

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính
Bà Trần Thị T Miên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 436/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ HKTT: Thôn 5a, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Thắng T1**, sinh năm 1990; (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: Thôn 5a, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Xuân Thắng T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/8/2017. Trong đời sống hôn nhân, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, bạo lực gia đình, không còn yêu thương lo lắng cho nhau, không thể hàn gắn được nữa. Hiện chị T đã bỏ về Nghệ An sinh sống và hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2020. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn

Xuân Thắng T1.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 01 người con chung là cháu V, sinh ngày 13/7/2018. Hiện cháu V đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ đến khi trưởng T1, đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Thắng T1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho nhau. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho hai vợ chồng anh được ly hôn.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 01 người con chung là cháu V, sinh ngày 13/7/2018. Hiện cháu V đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại nhà bố mẹ chị T tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 và đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ. Những vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn anh Nguyễn Xuân Thắng T1 có nơi đăng ký thường

trú tại thôn 5a, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Xuân Thắng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T, anh T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 14/8/2017. Xét thấy hôn nhân giữa chị T, anh T1 là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa chị T, anh T1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của chị T, anh T1 và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, xô xát, bạo lực gia đình, không còn yêu thương lo lắng cho nhau nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống. Hiện chị T đã bỏ về Nghệ An sinh sống và hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2020. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả chị T, anh T1 đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 01 người con chung là cháu V, sinh ngày 13/7/2018. Hiện cháu đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại nhà bố mẹ chị T tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, cả chị T và anh T1 đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa T1 niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: Thực tế, từ khi ly thân đến nay, do mâu thuẫn nên chị T đã đưa con về Nghệ An và sinh sống cùng với bố mẹ tại nhà bố mẹ chị T tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Bản thân cháu V hiện nay đang sống chung với chị T và chị T cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Mặt khác, cháu V tính đến thời điểm hiện tại dưới 36 tháng tuổi và chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bên cạnh đó, cháu V đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và sự ổn định của cháu, do đó căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu V, cần giao cháu V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của chị T về phần này được chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Thắng T1.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Thắng T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu V, sinh ngày 13/7/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Thắng T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do các bên không yêu cầu nên không Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011999, quyển số 0240, ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã V, huyện Y,
tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

